TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2018/DS-PT
Ngày: 19/6/2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Viết Văn.
Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Thu Thiện;
Ông Đỗ Minh Hoàng.

- Thư ký phiên toà: Ông Quản Việt Phương – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Trần Lương Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2018/TLPT- DS ngày 04 tháng 4 năm 2018, về việc: " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST, ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2018/QĐ-PT ngày 15/5/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2018/QĐPT-HPT ngày 05/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lương Thị L, sinh năm 1958;

Trú tại: Khu 10 phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Tấn, sinh năm 1977;

Trú tại: Phòng 1216, tòa B, nhà HUD2, khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền ngày 11/6/2018).

Bị đơn: Bà Hoàng Thị Minh T **,** sinh năm 1969;

HKTT: Số 01 nhà ăn tập thể Giảng Võ, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội.

Nơi ở: Số 333 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội.

Người kháng cáo: Bà Hoàng Thị Minh T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án dân sự sơ thẩm, vụ kiện có nội dung như sau:

** Tại đơn khởi kiện ngày 28/12/2016 của bà Lương Thị L và tại bản tự khai, lời trình bày tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc Tấn trình bày:*

Do quen biết họ hàng nên ngày 22/4/2014, bà Liên đã chuyển khoản số tiền 726.900.000 đồng vào tài khoản của bà Hoàng Thị Minh T để nhờ bà Thảo chuyển tiền cho cháu của bà Liên. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền của bà Liên chuyển từ ngân hàng Agribank chi nhánh thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, bà Thảo đã không đưa tiền cho cháu bà Liên mà đã rút ra để tiêu hết vào việc riêng. Khi bà Liên đòi thì bà Thảo trốn tránh không hoàn trả.

Sau nhiều lần tìm không gặp, ngày 30/3/2015 bà Liên và chị Vũ Thị Hòa (chị dâu cả trong gia đình đang thường trú tại: tổ 5 khu 4A phường Cẩm Thịnh, thành phố cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh) lên Hà Nội tìm gặp bà Thảo. Bà Thảo đã nhận và viết giấy biên nhận cho bà Liên cam kết sẽ trả lại số tiền trên khi Tòa án xử xong vụ án phân chia tài sản là bất động sản tại 333 Kim Mã. Nhưng khi vụ án giữa bà Thảo và ông Cường đã được xét xử xong bằng bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, bà Liên đã gọi điện gặp trực tiếp để yêu cầu bà Thảo trả tiền nhưng bà Thảo vẫn không trả tiền.

Do đó, bà Liên khởi kiện ra Tòa án nhân dân Quận Ba Đình yêu cầu bà Hoàng Thị Minh T phải trả lại cho bà Liên số tiền 726.900.000 đồng.

** Tại bản tự khai và các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn là bà Hoàng Thị Minh T trình bày:*

Năm 2014 bà Hoàng Thị Hiền (là cô họ của bà) mất, gia đình bà Hiền biết bà Liên (chị dâu của bà Hiền) có giữ số tiền 726.900.000 đồng của bà Hiền nên gia đình bà Hiền đã thỏa thuận với bà Liên chuyển số tiền này cho bà để bà chuyển cho gia đình bà Hiền (vì cả gia đình bà Hiền lúc này đang sinh sống tại Thụy Điển).

Vào khoảng tháng 4/2014 bà Liên đã chuyển cho bà số tiền 726.900.000 đồng vào số tài khoản của bà lập tại ngân hàng Agribank. Sau khi nhận được số tiền trên, bà đã liên lạc với ông Khang (chồng bà Hiền) và anh Minh, anh Thắng (con trai bà Hiền) thì được ông Khang yêu cầu bà tạm giữ số tiền này lại, không gửi sang Thụy Điển nữa, bao giờ ông Khang và các con về nước sẽ đến lấy số tiền này (giữa bà và ông Khang chỉ liên lạc qua điện

thoại mà không có giấy tờ). Vì vậy, bà đã đề nghị ông Khang cho bà tạm sử dụng số tiền này và đã được ông Khang đồng ý.

Khi bà Liên biết bà đã sử dụng số tiền này của gia đình ông Khang, bà Liên không đồng ý. Để bảo đảm với bà Liên, bà đã viết giấy xác nhận với bà Liên về việc bà đã nhận và sử dụng số tiền 726.900.000 đồng trên (giấy biên nhận ngày 30/3/2015). Bà đã cam kết với bà Liên là bà sẽ thanh toán toàn bộ số tiền trên khi bà nhận được tiền trong vụ án phân chia tài sản là nhà tại 333 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

Tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình, bà xác nhận có nhận của bà Liên 723.900.000 đồng để chuyển cho gia đình bà Hiền nhưng vì những lý do đã nêu ở trên nên bà chưa chuyển cho gia đình bà Hiền được; Giấy biên nhận ngày 30/3/2015 bà đã viết cho bà Liên có chữ ký của bà là đúng.

Nay bà Liên khởi kiện bà ra tòa yêu cầu bà phải trả lại số tiền trên, quan điểm của bà là: Vì bà Liên là người trực tiếp chuyển tiền vào tài khoản cho bà để nhờ bà chuyển tiền cho các cháu của bà Liên nên việc này bà sẽ lấy ý kiến của các cháu và chồng của bà Hiền (là chủ số tiền này) để xem các cháu quyết định như thế nào. Các cháu của bà Liên (cũng là em của bà) là Hoàng Thắng, Hoàng Linh, và ông Hoàng Khang (chồng bà Hiền) cùng ở Thụy Điển (địa chỉ cụ thể như thế nào bà sẽ cung cấp cho Tòa án sau).

Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng bà Thảo đã không cũng cấp được các tài liệu theo như Quyết định yêu cầu.

** Tại bản tự khai ngày 03/8/2017, bà Hoàng Thị Hợi, người làm chứng trình bày:* Khi bà Lương Thị L và bà Hoàng Thị Minh T viết Giấy biên nhận ngày 30/3/2015, bà Hợi là người làm chứng. Nhưng nội dung Giấy biên nhận cụ thể như thế nào thì bà không biết, chỉ xác nhận chữ ký chữ viết trong Giấy biên nhận là của bà Thảo.

** Tại bản tự khai ngày 14/9/2017, bà Vũ Thị Hòa, người làm chứng trình bày:* Bà được chứng kiến việc cô Hoàng Thị Minh T viết Giấy biên nhận đã nhận số tiền 726.900.000 đồng của chị Lương Thị L vào ngày 30/3/2015 và xác nhận Giấy biên nhận đó là do cô Thảo viết và ký xác nhận. Bà có biết việc bà Liên đã chuyển số tiền trên cho cô Thảo qua tài khoản ngân hàng, còn nguồn gốc số tiền trên như thế nào thì bà không nắm rõ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST, ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị L đối với bà Hoàng Thị Minh T.

2. Buộc bà Hoàng Thị Minh T phải trả nợ cho bà Lương Thị L số tiền 726.900.000 đồng (bảy trăm hai mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng).

Ngoài ra Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý, bà Hoàng Thị Minh T kháng cáo toàn bộ Bản án. Lý do kháng cáo, Tòa án nhân dân quận Ba Đình buộc bà Thảo phải trả cho bà Liên số tiền 726.900.000 đồng trong khi trên thực tế bà Thảo không vay mượn tiền của bà Liên mà bà Thảo chỉ nhận số tiền 726.900.000 đồng của bà Liên để trả cho ông Hoàng Khang là người sở hữu số tiền này. Tại Giấy biên nhận ngày 30/3/2015 nêu rõ bà Thảo và bà Liên thống nhất là bà Thảo mượn tiền, Tòa án sơ thẩm xác định sai giao dịch cho rằng đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là không đúng. Theo Giấy biên nhận ngày 30/3/2015 bà Thảo có cam kết với bà Liên về thời điểm thanh toán khi bà Thảo giải quyết xong công việc của bà Thảo là phân chia nhà 333 Kim Mã tức là thời điểm bà Thảo nhận được tiền khi phân chia tài sản và bà Thảo có điều kiện để thanh toán cho bà Liên; Tòa án sơ thẩm xác định thời hạn thanh toán khoản nợ trên kể từ ngày Bản án phúc thẩm ly hôn giữa bà Thảo với ông Cường là không đúng. Bà Thảo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án vì Tòa án sơ thẩm đã vi phạm tố tụng trong khi giải quyết vụ án và chưa đủ điều kiện khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đương sự giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không giao nộp chứng cứ mới.

Đại diện ủy quyền của bà Liên, ông Nguyễn Ngọc Tấn đề nghị Hội đồng xét xử giải thích hợp đồng vay tài sản ngày 30/3/2015 theo hướng có lợi cho bà Liên vì bà Liên là bên yếu thế.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm;

Về tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng, bà Hoàng Thị Minh T nộp đơn kháng cáo, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định là hợp lệ.

Về nội dung, xét yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị Minh T, Hội đồng xét xét phúc thẩm thấy rằng :

Theo Giấy biên nhận đề ngày 30/3/2015 có nội dung:*" Tên tôi là Hoàng Thị Minh T... tôi viết giấy này xác nhận có nhận số tiền 726.900.000 (bảy trăm hai mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng) của bà Lương Thị L được chuyển khoản từ ngân hàng phát triển nông thôn chi nhánh TP Cẩm Phả - Quảng Ninh vào ngày 22/4/2014. Tôi và bà Liên cùng nhau thống nhất là cho tôi mượn đến khi tôi giải quyết xong công việc của tôi là phân chia nhà 333 Kim Mã tôi sẽ thanh toán lại số tiền trên. Bà Liên đồng ý lãi xuất 0% (không tính lãi)"*. Bà Thảo xác nhận Giấy do bà viết và chữ ký trong Giấy biên nhận là của bà Thảo.

Bà Thảo kháng cáo cho rằng, bà không vay mượn tiền của bà Liên mà bà Thảo chỉ nhận số tiền 726.900.000 đồng của bà Liên để trả cho ông Hoàng Khang là người sở hữu số tiền này nhưng bà Thảo không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ và hợp pháp. Giả thiết, số tiền bà Thảo nhận thuộc sở hữu của ông Hoàng Khang thì ông Hoàng Khang có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác, độc lập với vụ kiện này.

Bà Thảo kháng cáo cho rằng bà chỉ mượn tiền bà Liên chứ không phải là vay tiền bà Liên, thấy rằng, theo Điều 513 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về đối tượng của hợp đồng mượn tài sản là: *Tất cả nhưng vật không tiêu hao đều có thể là đối tượng của hợp đồng mượn tài sản.* Điều 178 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *Vật không tiêu hao là vật khi đã qua sử dụng nhiều lần mà cơ bản vẫn giữ được tính chất, hình dáng và tính năng sử dụng ban đầu.* Đối chiếu với các quy định của pháp luật viện dẫn trên thì khoản tiền bà Liên giao cho bà Thảo không phải là đối tượng của hợp đồng mượn tài sản. Do đó, không phải là quan hệ pháp luật mượn tài sản.

Mặt khác, ngày 22/4/2014 có xảy ra sự kiện bà Liên chuyển tiền cho bà Thảo để bà Thảo chuyển tiền tiếp cho người thứ 3 là cháu của bà Liên. Sau khi nhận tiền, bà Thảo không thực hiện việc chuyển tiền tiếp cho người thứ ba nên số tiền đó vẫn thuộc quyền sở hữu hoặc là quyền chiếm hữu hợp pháp của người chuyển tiền là bà Liên; bà Liên có quyền đòi lại tài sản theo Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên, đến ngày 30/3/2015, bà Liên và bà Thảo đã lập văn bản xác nhận sự việc bà Thảo dùng số tiền đã nhận vào việc riêng dưới dạng vay không lãi và hứa sẽ trả khi giải quyết xong việc phân chia nhà 333 Kim Mã. Như vậy số tiền bà Thảo nhận lẽ ra khi không chuyển tiếp cho người thứ 3 thì phải trả lại, nay đã được chuyển thành số tiền vay có thời hạn, không lãi giữa người cho vay đồng thời là người chuyển tiền là bà Liên với người vay đồng thời là người nhận tiền là bà Thảo. Quan hệ pháp luật giữa bà Liên với bà Thảo là quan hệ vay tài sản được thể hiện rất rõ tại Giấy biên nhận đề ngày 30/3/2015 có ghi: *Bà Liên đồng ý lãi xuất 0% (không tính lãi)*. Giấy biên nhận đề ngày 30/3/2015 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 về hợp đồng vay tài sản; cụ thể Điều 471 quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn*

trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định."

Xét các bên có xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Về thời hạn thỏa thuận trong giấy vay nợ: Bà Thảo kháng cáo cho rằng, theo Giấy biên nhận ngày 30/3/2015 bà Thảo có cam kết với bà Liên về thời hạn thanh toán khi bà Thảo giải quyết xong công việc của bà Thảo là phân chia nhà 333 Kim Mã tức là thời điểm bà Thảo nhận được tiền khi phân chia tài sản và bà Thảo có điều kiện để thanh toán cho bà Liên. Xem xét thời hạn thanh toán là "*đến khi giải quyết xong việc của tôi là phân chia nhà số 333 Kim Mã*" thấy rằng: Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 195/2016/HNGĐ-PT ngày 14/11/2016 giải quyết tranh chấp chia tài sản sau ly hôn giữa bà Hoàng Thị Minh T và ông Nguyễn Hữu Cường về nhà đất tại 333 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật là thời điểm *giải quyết xong việc của tôi là phân chia nhà số 333 Kim Mã;* bởi lẽ, Bản án đã xác định (phân chia) xong quyền lợi của bà Thảo, ông Cường đối với tài sản là nhà đất số 333 Kim Mã và Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 14/11/2016). Giấy biên nhận ngày 30/3/2015 do bà Thảo viết, giả thiết nếu thời điểm thanh toán đúng như kháng cáo của bà Thảo thì bà Thảo phải viết rõ là khi nhận được tiền phân chia tài sản. Do đó, thời điểm thanh toán theo giải thích của bà Thảo khi kháng cáo là không phù hợp với quy định tại Điều 409 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về giải thích hợp đồng dân sự; kháng cáo về thời hạn trả nợ của bà Thảo là không có căn cứ. Bản án sơ thẩm xác định thời hạn thanh toán đối với khoản nợ trên đã phát sinh kể từ ngày Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm có hiệu lực pháp luật là phù hợp với thỏa thuận (ý trí) của các bên đương sự khi lập hợp đồng vay tài sản.

Với những căn cứ trên, cần buộc bà Thảo trả cho bà Liên số tiền 726.900.000 đồng không tính lãi như Bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật

Về án phí phúc thẩm: Bà Thảo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, 148, 227, 271, 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị Minh T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST, ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tiền của bà Lương Thị L đối với bà Hoàng Thị Minh T.

2. Buộc bà Hoàng Thị Minh T phải trả nợ cho bà Lương Thị L số tiền 726.900.000đ (bảy trăm hai mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng).

3. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bà Hoàng Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 33.076.000đ (ba mươi ba triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

Hoàn trả bà Lương Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.520.000đ (mười sáu triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0007392 ngày 06/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Án phí phúc thẩm: Bà Hoàng Thị Minh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 08077 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình.

4. *Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chị khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Ba Đình;
- Chi cục THADS quận Ba Đình;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Viết Văn